

## KẾ HOẠCH

### PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2022 TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng chống thiên tai;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương; Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội;*

Để chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai hiệu quả; UBND tỉnh ban hành **“Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2022 tỉnh Lào Cai”** làm cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện, giảm tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững với các nội dung sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1.1. Mục đích

- Làm cơ sở để tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, giảm tối đa thiệt hại, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.
- Tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai; nâng cao năng lực, tính chủ động của toàn xã hội trong phòng chống thiên tai, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống thiên tai; kết hợp giữa phòng chống thiên tai với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- Huy động mọi nguồn lực để thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai, nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại của thiên nhiên; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, xã hội bền vững.

### 1.2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2022 phải bám sát nội dung: Chỉ thị 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ; Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 24/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;...

b) Thực hiện Kế hoạch Phòng, chống thiên tai phải lồng ghép với: Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 4709/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh; bám sát nội dung Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 25/3/2021 về Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 và phải gắn với thực hiện kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương.

c) Thực hiện Kế hoạch Phòng, chống thiên tai phải nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo mưa, bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, sạt lở đất, rét đậm, rét hại... và các hiện tượng khí tượng, thủy văn nguy hiểm; giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Xác định cụ thể nội dung, nhiệm vụ đề nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống thiên tai.

## **II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **2. 1. Nội dung thực hiện**

#### **2. 1. 1. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách**

a) Trong năm 2022, ban hành văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng chống thiên tai. Tiếp tục tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống thiên tai, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng chống thiên tai phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, phù hợp với các loại hình thiên tai và đặc điểm thiên tai từng vùng, địa phương.

b) Tiếp tục xây dựng các cơ chế, chính sách đồng bộ, minh bạch, không chồng chéo để huy động nguồn lực hỗ trợ phòng ngừa, ứng phó, phục hồi sản xuất, môi trường sau thiên tai; các cơ chế giám sát đối với các hoạt động phòng chống thiên tai. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng kết hợp đa mục tiêu, hạn chế tối đa việc gia tăng rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là vùng ven sông, ven suối, khu vực đông dân cư, khu vực hay xảy ra thiên tai bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

**2.1.2. Tuyên truyền phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức:** Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền: Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 24/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình số 334-CTr/TU ngày 25/6/2020 của Tỉnh ủy; Hướng dẫn số 143-HD/BTGTW ngày 29/7/2020 của Ban Tuyên giáo Trung ương; Hướng dẫn số 138-HD/BTGTW ngày 07/8/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ; Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;...

Đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức, ngôn ngữ, phương thức truyền thông để phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai tới cộng đồng phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sử dụng các phương tiện truyền thông, lưu động, mạng xã hội tiếp nhận thông tin phản hồi của người dân vì một xã hội an toàn trước thiên tai. Huy động sự tham gia của các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân trong quá trình xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách; đề xuất và triển khai kế hoạch, chương trình, dự án trong hoạt động tuyên truyền phòng ngừa thiên tai. Xây dựng và ban hành tạp chí, tờ rơi, phim tài liệu, phóng sự, Zalo, facebook,... về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

#### **2.1.3. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, NÂNG CAO NĂNG LỰC CHỈ HUY, CHỈ ĐẠO, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC**

Chỉ đạo các Sở, ngành, cấp huyện, cấp xã kiện toàn hệ thống hoạt động về lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực hoạt động chỉ đạo, chỉ huy điều hành của Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp; đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Tổ chức xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã theo Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức

tập huấn bằng phương thức phù hợp cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai; diễn tập nâng cao năng lực trình độ phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

#### **2.1.4. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng**

a) Tăng cường sự tham gia của người dân, các tổ chức xã hội, khu dân cư, cộng đồng trong quá trình xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai; đề xuất và thực hiện các chương trình, kế hoạch liên quan đến công tác phòng chống thiên tai; chú trọng sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong khi lập phương án phòng chống thiên tai cấp xã. Tập huấn, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về giảm nhẹ rủi ro thiên tai với cộng đồng và người dân; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, năng lực tại cộng đồng, các sự kiện văn hóa cấp xã, thôn, bản, tại các buổi tuyên vận thôn, bản...

b) Đẩy mạnh hoạt động xây dựng thôn, bản, xã an toàn thiên tai trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Từng bước xây dựng hệ thống truyền tin cảnh báo thiên tai từ trung tâm cấp xã về các thôn bản và người dân. Tổ chức diễn tập phương án ứng phó thiên tai cấp xã để nâng cao nhận thức cộng đồng trong phòng ngừa, ứng phó sự cố, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Triển khai thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai, kỹ năng ứng phó thiên tai trong cộng đồng. Người dân ở các khu vực thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt,... được phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh, ứng phó với thiên tai. Triển khai, thực hiện tốt Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh.

**2.1.5. Khoa học công nghệ:** Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ nâng cao hiệu quả phòng chống thiên tai, trong đó tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số, viễn thám trong quan trắc, theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý, vận hành công trình phòng chống thiên tai và chỉ đạo điều hành phòng ngừa, ứng phó thiên tai. Ứng dụng khoa học công nghệ trong giám sát biến động sạt lở bờ sông, bờ suối, sạt lở đất khu dân cư...; xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý, bản đồ rủi ro thiên tai; thông tin liên lạc, quan trắc, quản lý vận hành hồ. Nghiên cứu, chuyển đổi sản xuất, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và triển khai các biện pháp bảo vệ cây trồng, gia súc, gia cầm thích ứng thiên tai, nhất là mưa lũ, rét hại, sương muối.

**2.1.6. Hợp tác quốc tế:** Trong năm 2022, thực hiện tốt Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Lào Cai về thực hiện dự án Tăng cường năng lực cho cộng đồng địa phương về giảm thiểu rủi ro sạt lở mái dốc. Thực hiện hiệu quả việc vận động, tiếp nhận, quản lý và phân phối viện trợ quốc tế trong việc khắc phục hậu quả thiên tai theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ. Tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông qua các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng công nghệ mới về phòng, chống thiên tai, nhất là về dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, quản lý tài nguyên nước đối với hệ thống sông Hồng, sông Chảy; đồng thời, tranh thủ sự vận động ủng hộ, hỗ trợ của quốc tế trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

## **2.2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **2.2.1. Lắp đặt các thiết bị dự báo, cảnh báo sớm thời tiết, thiên tai**

Trong năm 2022 dự kiến, lắp đặt 01 hệ thống dự báo thời tiết thiên tai tổng hợp (3 trạm thời tiết tổng hợp) và sử dụng hiệu quả 52 trạm đo mưa, 3 trạm thời tiết tổng hợp đã lắp đặt kết hợp với hệ thống dự báo, cảnh báo thời tiết của Đài Khí tượng, Thủy văn để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; đồng thời, cập nhật kịp thời kịch bản biến đổi khí hậu, dự báo về thiên tai, nguồn nước, nhất là các sông, suối sát biên giới để cảnh báo mưa, lũ, ngập úng, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, suối và các hiện tượng thời tiết, thiên tai nguy hiểm khác.

### **2.2.2. Về công tác an sinh xã hội**

a) Thực hiện tốt Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đầu tư các điểm sắp xếp dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong đó đặc biệt quan tâm đến các hộ có nhà ở đơn sơ, nhà ở thiếu kiên cố, nhà ở bán kiên cố hay chịu tác động, ảnh hưởng của mưa, bão, giông lốc, mưa đá; chỗ ở kém an toàn và chỗ ở phải di dời khẩn cấp...

b) Bố trí sắp xếp các hộ dân cư ra ngoài khu vực thiên tai nguy hiểm theo Kế hoạch số 345/KH-UBND ngày 30/8/2021 và các hộ phát sinh; quản lý chặt chẽ việc xây dựng nhà ở, nhất là khu dân cư tập trung, khắc phục tình trạng xây dựng nhà ở tại khu vực có nguy cơ sạt lở, lấn chiếm lòng sông, suối; rà soát các điểm lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các điểm lũ ống, lũ quét, sạt lở đất phát sinh, các khu vực dân cư thiên tai tập trung đang sinh sống trong khu vực thiên tai nguy hiểm để di chuyển kịp thời; thực hiện tốt các dự án sắp xếp dân cư tập trung; hỗ trợ kịp thời nhà ở bị thiệt hại thiên tai theo Quyết định số 358/QĐ-MTTQ-BTT ngày 05/12/2018 của Thường trực Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Lào Cai.

*(Chi tiết tại phụ biểu 01, 02)*

c) Theo dõi sát tình hình thiên tai, không để xảy ra tình trạng người dân bị thiếu lương thực, nhất là tại các khu vực đặc biệt khó khăn. Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đảm bảo đúng quy định, hiệu quả; 100% cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai được thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội tại vùng bị thiên tai.

### **2.2.3. Về sản xuất nông nghiệp**

a) Về phòng chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục duy trì kết quả 62 xã Nông thôn mới đã đạt được về phòng chống thiên tai. Trong năm 2022, hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới 72/127 xã, đạt 56,7% số xã; duy trì 100% số xã hoàn thành tiêu chí số 3 (trong đó có chỉ tiêu 3.2 về phòng chống thiên tai).

b) Về sản xuất nông nghiệp: Chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, mùa vụ thích ứng với thời tiết, thiên tai, biến đổi khí hậu. Xây dựng phương án phòng chống rét cho cây trồng, vật nuôi đảm bảo các biện pháp kỹ thuật phòng chống rét. Dự phòng giống cây trồng, vật tư nông nghiệp đảm bảo sản xuất. Bảo vệ cây trồng, vật nuôi trước thiên tai: 33.170 ha lúa, 34.056 ha ngô, 7.224 ha chè, 3.466 ha chuối, 1.907 ha dứa, 535 ha cây dược liệu, nuôi trồng thủy sản 2.250 ha, 625.000 con gia súc các loại, 2.150 ha thủy sản, 58.300 m<sup>3</sup> cả nước lạnh,...; tiếp tục nâng cao chất lượng 276.525 ha rừng, trồng rừng mới 5.450 ha, khoanh nuôi tái sinh rừng 4.400 ha; nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 57,7%; nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai trong sản xuất lâm nghiệp, nhất là cháy rừng đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao, gắn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết, thiên tai để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Thực hiện hỗ trợ thiệt hại thiên tai đúng Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ. Lồng ghép hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai với hoạt động sản xuất nông nghiệp trong Kế hoạch số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh để hoàn thành mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn năm 2022.

### **2.2.4. Về cơ sở hạ tầng**

a) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ với phòng ngừa thiên tai, trong đó xây dựng, củng cố công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ suối tại những khu vực diễn biến sạt lở phức tạp uy hiếp nghiêm trọng các công trình kè, khu tập trung dân cư, các công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất và các cơ sở hạ tầng quan trọng, các công trình hạ tầng trọng điểm, xung yếu. Tập trung củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hồ, đập bảo đảm chủ động phòng chống mưa, lũ theo mức thiết kế; bảo vệ 1.143 công trình thủy lợi, các cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trước thiên tai và 67 hồ, đập thủy điện. Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp 08 đập, hồ chứa thủy lợi; thực hiện kiên cố hoá kênh mương 77%; nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng các công trình thủy lợi đảm bảo nước tưới 45.324 ha cây trồng các loại.

b) Nâng cấp hệ thống trữ nước, tiêu thoát nước, phòng chống ngập úng do mưa lớn, lũ; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo sức chống chịu với thiên tai. Đầu tư, nâng cấp, xây dựng mới, tu bổ, sửa chữa các công trình hạ tầng thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu phải dựa trên nguyên tắc tuân thủ theo quy hoạch và chủ động ứng phó với thiên tai, không làm gia tăng rủi ro thiên tai. Kiểm soát an toàn 107 hồ, đập thủy lợi, 67 hồ, đập thủy điện, 14 hồ thải khai thác khoáng sản; hạn chế việc san lấp sông, suối; củng cố, nâng cấp bảo đảm

an toàn đập, hồ chứa nước; xây dựng hệ thống cảnh báo xả lũ hồ chứa; các công trình giám sát, cảnh báo sớm thiên tai,... Vận hành hiệu quả hồ chứa thủy lợi, thủy điện đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du khi mưa, lũ.

### **2.2.5. Lồng ghép nội dung Phòng, chống thiên tai với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội**

Lồng ghép phòng chống thiên tai với các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội. Lồng ghép việc xây dựng, sửa chữa, khắc phục cơ sở hạ tầng với: Kế hoạch số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 351/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 4709/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh Lào Cai; bao gồm: sắp xếp dân cư, thủy lợi, tài nguyên nước, đầu tư, đầu tư công, xây dựng cơ sở hạ tầng, đất đai, điện lực, viễn thông, cứu hộ cứu nạn, vận động, quyên góp, cứu trợ, thông tin, truyền thông, du lịch, dịch vụ,... theo hướng kết hợp đa mục tiêu, hạn chế tối đa việc gia tăng rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là vùng ven sông, ven suối, khu vực đông dân cư bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

**2.2.6. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai:** Thực hiện tốt công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; trưng dụng các cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận người dân và sơ, cấp cứu người bị nạn; hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu cho nhân dân vùng bị thiên tai, trong đó ưu tiên các đối tượng là người già, người tàn tật, phụ nữ, trẻ em. Thống kê, tổng hợp, đánh giá đúng thiệt hại theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Xác định nhu cầu hỗ trợ giống cây trồng, vật tư để kịp thời khôi phục sản xuất; vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; bình ổn giá cả thị trường; đề xuất giải pháp khôi phục, sửa chữa, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, các công trình công cộng, các dự án, công trình trọng điểm, khẩn cấp cần hỗ trợ. Phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại sau thiên tai theo thứ tự ưu tiên.

**2.2.7. Về huy động nguồn lực:** Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, sử dụng hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai và huy động các nguồn lực xã hội hóa cho hoạt động phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn; trong đó: Ưu tiên nguồn lực nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; xây dựng bản đồ Phòng, chống thiên tai, hiện trạng công trình Phòng, chống thiên tai; bản đồ trượt lở đất; bản đồ ngập lụt vùng hạ du; xử lý dứt điểm các công trình trọng điểm, xung yếu; bảo đảm an toàn hồ, đập phòng chống thiên tai; di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi khu vực thiên tai nguy hiểm; xử lý sạt lở bờ sông, suối; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, nhất là cơ quan tham mưu cấp tỉnh về phòng chống thiên tai. Tăng cường phân cấp, phân quyền đảm bảo huy động kinh phí kịp thời đáp ứng yêu cầu ứng phó khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

## **2.3. Kinh phí thực hiện**

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

*(Chỉ bố trí kinh phí thực hiện cho các nội dung cấp bách, thật sự cần thiết và hiệu quả; tăng cường lồng ghép thực hiện với các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình khác để hạn chế kinh phí. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid- 19, hạn chế tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tiếp; tăng cường tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng như: Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai, Cổng thông tin điện tử, hệ thống các loa truyền thanh ở các thôn, bản, tổ dân phố...).*

## **2.4. Tổ chức xây dựng phương án ứng phó với thiên tai**

**2.4.1. Cấp độ rủi ro thiên tai:** Rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5. Tuy nhiên, tỉnh Lào Cai chịu tác động của cấp độ rủi ro thiên tai cao nhất là cấp độ 3.

**2.4.2. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai:** Xây dựng phương án ứng phó thiên tai đảm bảo ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai đúng quy định tại Điều 22 Luật Phòng chống thiên tai và Mục 2 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ, trong đó bảo vệ các công trình phòng chống thiên tai, các công trình hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm xung yếu; sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất; bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc,...; phối hợp chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Huy động nguồn nhân lực, vật tư, trang thiết bị ứng phó thiên tai; dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để ứng phó thiên tai. Tuy nhiên, việc ứng phó với thiên tai phải đảm bảo phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

## **2.5. Huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm**

a) Huy động lực lượng: Tổng số 17.253 người, trong đó Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh: 1.630 người. Các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố, Doanh nghiệp 1.570 người; các xã, phường, thị trấn 14.053 người (Bao gồm cả Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã); trong đó:

- Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu luôn luôn duy trì: 9.761 người, trong đó: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Biên phòng, Công an tỉnh: 539 người; các sở, ngành huyện, thành phố, Doanh nghiệp 517 người; 152 xã, phường, thị trấn/8.705 người; binh quân 57 người/xã.

- Lực lượng huy động 7.492 người (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Biên phòng, Công an tỉnh: 1.052 người; các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố, Doanh nghiệp 750 người; 152 xã, phường, thị trấn/5.690 người; binh quân 37 người/xã).

*(Chi tiết tại phụ biểu 03)*

b) Phương tiện, vật tư, trang thiết bị: 117.550 chiếc, trong đó: Phương tiện vận tải ô tô các loại 1.275 chiếc; trang thiết bị phương tiện chỉ huy: 463 chiếc; trang thiết bị thông tin liên lạc: 1.138 chiếc; phương tiện cứu hộ, cứu nạn trên sông: 8.476 chiếc; trang thiết bị chữa cháy rừng 25.188 chiếc; trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy 1.354 chiếc; trang thiết bị vật tư y tế 79.357 chiếc; trang thiết bị cấp nguồn điện 134 chiếc; trang thiết bị khác 165 chiếc. Căn cứ tình hình thực tế và loại hình thiên tai, mức độ ảnh hưởng; Chủ tịch UBND tỉnh huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị ứng cứu phù hợp.

*(Chi tiết tại phụ biểu 04)*

## **2.6. Nhiệm vụ và giải pháp đối với một số loại thiên tai**

a) Đối với lũ, ngập lụt: Bố trí các khu vực phân lũ, chậm lũ, chủ động làm giảm cường độ lũ xuống hạ du. Nâng cao cốt nền xây dựng dựa vào trận lũ lịch sử đã xảy ra trong khu vực để tính toán chiều cao của cốt nền xây dựng. Khởi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ; nạo vét để tăng mặt cắt thoát lũ, giảm thiểu ngập lụt. Làm các công trình cầu quy mô nhỏ, cầu tạm để qua các suối, khu vực ngập sâu, thay thế các tràn, xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hồ chứa,...

b) Đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn: Xây dựng nhà ở; nhà tránh trú cộng đồng an toàn; thường xuyên chàng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn; xây dựng mới, sửa chữa các hồ, đập chứa thủy lợi, nạo vét kênh mương,... nhằm bảo vệ sản xuất, bảo vệ ao hồ nuôi trồng thủy sản. Xây dựng công trình mới phải tính toán đến khả năng chịu lực của công trình trước sự tác động của thiên tai; chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao gần nhà ở, lưới điện...; có kế hoạch trồng cây xanh hợp lý, vừa đảm bảo tạo cảnh quan, môi trường sinh thái, vừa đảm bảo chống đỡ được gió bão, áp thấp nhiệt đới. Duy tu, sửa chữa đường dây điện, đường dây viễn thông không đảm bảo an toàn và từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây điện, đường dây viễn thông, nhất là ở khu vực đô thị. Kiểm tra hệ thống thoát nước, nạo vét cống rãnh bị bồi lắng, lắp đặt mới hệ thống cống,... nhằm đảm bảo cho việc tiêu thoát nước trong mùa mưa bão...

c) Đối với lũ, sạt lở đất: Trồng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, đặc biệt là các khu vực thường gây ra lũ, lũ quét, sạt lở đất nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ lớp phủ thực vật, tăng khả năng giữ nước của lưu vực, hạn chế khả năng tập trung dòng chảy. Xây dựng hồ chứa điều tiết lũ ở khu vực thường xảy ra lũ quét, các hồ chứa nước nhiều tác dụng như: chống lũ, tích nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát điện, kết hợp với việc điều hoà lũ, phòng chống lũ quét. Tổ chức khai thông các đường tập trung thoát lũ ở phía thượng lưu, các khu vực cần bảo vệ không sinh ra tắc nghẽn dòng chảy, tích tụ nước, tạo ra lũ quét. Xây dựng tường chắn lũ quét, hệ thống thoát lũ để bảo vệ các khu vực xung yếu; xây dựng bản đồ trượt sạt lở đất, rà soát các khu vực sạt lở đất để di chuyển dân cư, không xây nhà ở khu vực đã từng xảy ra lũ quét, sạt lở đất, khu vực ven sông, suối, sườn đồi, ta luy cao, gần mái ta luy đường giao thông.

d) Đối với hạn hán: Xây dựng bể trữ nước, giếng nước,... hoặc có phương án khai thác các nguồn nước khác; xây dựng đập tạm; tổ chức nạo vét, phát dọn kênh mương, khơi thông cống rãnh, dòng chảy, khắc phục ngay những chỗ hư hỏng, rò rỉ để chống thất thoát nước; dùng các biện pháp giữ nước, tích nước; tăng cường công tác quản lý, điều tiết nguồn nước kịp thời theo kế hoạch. Vận động nhân dân trong vùng hưởng lợi từ các công trình nước tự chảy thường xuyên nạo vét đầu mối, súc rửa bể lắng lọc, sửa chữa tuyến đường ống và các bể chứa để chống rò rỉ gây thất thoát nước,... Tăng cường biện pháp quản lý điều tiết các công trình nước sinh hoạt tập trung, thường xuyên chỉ đạo các đơn vị quản lý kiểm tra hệ thống đầu mối, bể lắng lọc, đường ống.

đ) Đối với dông, lốc, sét, mưa đá: Kiểm tra, rà soát nơi ở của người dân, nhất là những khu vực có nguy cơ cao xảy ra dông lốc, sét, mưa đá. Sẵn sàng các phương án để chủ động ứng phó khi có tình huống, đặc biệt là bố trí lực lượng xung kích, vật tư phương tiện tại chỗ để triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho nhân dân. Chỉ đạo cơ quan thông tin truyền thông, nhất là tuyên truyền tin cơ sở tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn nhân dân cách nhận biết, kỹ năng ứng phó dông lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh như: Gia cố, bảo vệ mái nhà, che chắn bảo vệ rau màu, cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương để giảm thiểu thiệt hại. Tìm chỗ trú ẩn an toàn; không đứng gần, tránh trú dưới cây to; nhà thô sơ, cột điện;...

e) Đối với rét đậm, rét hại, sương muối: Tổ chức xây dựng phương án phòng, chống rét cho cây trồng, vật nuôi đảm bảo các biện pháp kỹ thuật phòng chống rét.

### III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 3.1. Để triển khai thực hiện tốt Kế hoạch, UBND tỉnh phân công nhiệm vụ các cấp, các ngành, các địa phương như sau:

1. Thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện tốt công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện được phân công phụ trách theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh; trực tiếp xuống địa bàn được phân công phụ trách kiểm tra, theo dõi công tác chuẩn bị phòng chống, ứng phó trước, trong và sau thiên tai; thực hiện tốt Quy chế phối hợp, hoạt động của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tại Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh. Đề xuất kịp thời với UBND tỉnh các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả để hạn chế tối đa thiệt hại.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch. Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, mùa vụ để chủ động phòng tránh thiên tai và phát triển bền vững. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, các hoạt động nâng cao năng lực phòng chống thiên tai hiệu quả. Đôn đốc xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện, cấp xã; tham mưu giúp UBND tỉnh điều phối các các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Chủ động triển khai thực hiện khi có tình huống thiên tai xảy ra...

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chỉ đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng để ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; khắc phục hậu quả thiên tai; kiên toàn lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn phù hợp với đặc điểm thiên

tai, điều kiện từng địa phương. Nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Tổ chức huấn luyện, diễn tập cứu hộ, cứu nạn trong mọi tình huống sự cố, thiên tai.

4. Công an tỉnh: Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về phòng chống thiên tai. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng ngừa, ứng phó thiên tai, cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng ứng phó thiên tai trong mọi tình huống; rà soát phương án đảm bảo cứu nạn, cứu hộ, an toàn giao thông khi xảy ra sự cố, thiên tai. Thực hiện tốt công tác cứu hộ, cứu nạn theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-BCA ngày 14/01/2021 của Bộ Công an.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Tổ chức xây dựng lực lượng cứu hộ, cứu nạn đảm bảo yêu cầu, sẵn sàng hỗ trợ, chi viện lực lượng, phương tiện ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhất là khu vực Biên giới. Hỗ trợ Nhân dân khu vực Biên giới phòng ngừa, ứng phó các sự cố, thiên tai; giúp Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai. Đảm bảo an ninh, trật tự khu vực Biên giới, cửa khẩu khi có sự cố, thiên tai.

6. Đài Khí tượng, Thủy văn tỉnh Lào Cai: Theo dõi chặt chẽ, cập nhật, xử lý kịp thời thông tin về diễn biến thời tiết, khí hậu; dự báo sớm diễn biến thời tiết khí hậu, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan nguy hiểm. Cung cấp kịp thời các bản tin dự báo thời tiết cho UBND tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để kịp thời thông tin cho các cấp, các ngành, các địa phương và người dân chủ động phòng, tránh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Bố trí đủ quỹ đất ở để sắp xếp dân cư thiên tai, nhất là sắp xếp dân cư tập trung ra ngoài khu vực lũ ống, lũ quét, sạt lở đất,... Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước và các quy hoạch liên quan đến phòng chống thiên tai. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi, tài nguyên khoáng sản, nước ngầm làm tăng nguy cơ sạt lở đất, sạt lở bờ sông, xói lở bờ suối. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra xử lý cá nhân, đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản vi phạm các quy định về thiên tai.

8. Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư thi công đúng tiêu chuẩn, chất lượng công trình, tránh mất an toàn khi thiên tai xảy ra. Chỉ đạo và triển khai phương án đảm bảo an toàn giao thông khi mưa, lũ; kiểm tra, rà soát, xử lý khắc phục các tuyến đường bị hư hỏng do mưa lớn, sạt lở đất, các công trình giao thông gây cản trở thoát lũ, nhất là tuyến quốc lộ, tỉnh lộ; chuẩn bị đầy đủ vật tư, bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng cứu, khắc phục sự cố, thiên tai, đảm bảo giao thông trước, trong và sau thiên tai.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn được giao quản lý để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này. Huy động, thu hút nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, doanh nghiệp, người dân vào các hoạt động phòng chống thiên tai.

10. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan cân đối, bố trí dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách; cân đối các nguồn vốn sự nghiệp, các quỹ tài chính ngoài ngân sách tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai theo quy định.

11. Sở Công thương: Phối hợp với các ngành liên quan chỉ đạo vận hành điều tiết các hồ chứa thủy điện đúng quy trình; kiểm soát an toàn hồ đập bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du trong mùa mưa lũ. Kiểm tra rà soát phương án bảo đảm an toàn các bãi thải, khu vực mỏ, hầm lò khai thác khoáng sản, các hố sâu để lại khi xây dựng công trình; chủ động xử lý và có phương án đảm bảo an toàn công trình, khu dân cư lân cận, nhất là trong các tình huống xảy ra mưa, lũ lớn, sạt lở đất.

12. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Theo dõi chặt chẽ thiệt hại về thiên tai tác động đến đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, cứu đói, thăm hỏi động viên theo đúng Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hỗ trợ kịp thời cho dân cư khu vực bị thiệt hại do sự cố, thiên tai bảo đảm cuộc sống an sinh, xã hội.



13. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lào Cai: Tổ chức kêu gọi các tổ chức, cá nhân ủng hộ, quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả tái thiết sau thiên tai. Phối hợp với Sở Lao động TBXH, Hội Chữ thập đỏ tổ chức tiếp nhận và phân phối, tiền, hàng, vật phẩm ủng hộ quyên góp cho các đối tượng bị thiên tai đúng đối tượng, đúng mục đích, công bằng, minh bạch, hiệu quả.

14. Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: Theo dõi, cập nhật diễn biến thời tiết, thiên tai để tham mưu kịp thời cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Rà soát tổng hợp tình hình thiệt hại của các địa phương. Tham mưu cho Ban chỉ huy, huy động lực lượng, phương tiện ứng phó, khắc phục thiệt hại thiên tai. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát đánh giá mức độ thiệt hại; đề xuất phương án hỗ trợ khắc phục thiệt hại. Đôn đốc các sở, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện thu nộp Quỹ phòng chống thiên tai theo Kế hoạch của UBND tỉnh; đề xuất chỉ, nhu cầu chi Quỹ. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hỗ trợ người dân bị thiệt hại do thiên tai.

15. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ Kế hoạch này, các huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2022 xong trước ngày 15/03/2022 phù hợp với Kế hoạch của tỉnh. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung Kế hoạch đã phê duyệt.

b) Thực hiện lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quản lý, thực hiện phòng chống thiên tai, thủy lợi, cơ sở hạ tầng phù hợp với các kế hoạch của tỉnh; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, mùa vụ sản xuất, chủ động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Xây dựng, củng cố chất lượng hoạt động lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã. Nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”; tập huấn, phổ biến kỹ năng cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và cộng đồng, người dân.

c) Đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, vận hành hiệu quả các công trình phòng, chống thiên tai, các công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn. Chủ động rà soát, sắp xếp dân cư, di dời dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt,... các khu vực trọng điểm, xung yếu. Bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện, cấp xã. Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch.

16. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức, cá nhân: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, vật tư, lực lượng để tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Lồng ghép nội dung Kế hoạch này vào: Kế hoạch phát triển của ngành và Kế hoạch số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh. Tổ chức chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai hiệu quả.

### **3.2. Tổ chức thực hiện**

3.2.1. Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện.

3.2.2. Các cơ quan Trung ương, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh phải chủ động lồng ghép các nội dung phòng chống thiên tai vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị.

3.2.3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai*) tổ chức kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các sở ban ngành, cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch Phòng chống thiên tai năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ triển khai thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Ban chỉ đạo QG về PCTT;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Tổng cục PCTT;
- Cục UPKPHQTT;
- Thành viên BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- CVP, PCVP3;
- Sở NN và PT NT;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Văn phòng BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- Lưu VT, BBT, TH1, NLN1,3.

**Hoàng Quốc Khánh**

**Phụ biểu 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
LÀO CAI**

(Kèm theo Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG**

TT	Thông tin tổng hợp	ĐVT	Toàn tỉnh	Bảo Yên	Bảo Thắng	Văn Bàn	Bát Xát	Mường Khương	Bắc Hà	Si Ma Cai	Sa Pa	TP Lào Cai
1	Số huyện, thành phố		9									
2	Số xã		127	18	15	23	23	16	21	13	18	17
3	Tổng số hộ điều tra	Hộ	108,699	20,481	14,844	13,225	17,013	11,225	13,467	5,643	11,996	805
4	Tổng số hộ hiện có	Hộ	165,027	20,481	30,187	19,623	17,013	13,131	13,467	7,110	11,996	32,019
5	Tổng số người	người	713,513	86,870	110,520	90,275	77,554	62,863	65,277	36,816	61,414	121,924
6	Nam	người	361,318	45,154	55,976	45,770	39,547	31,689	33,627	18,532	30,209	60,814
7	Nữ	người	352,195	41,715	54,544	44,505	38,007	31,174	31,650	18,285	31,205	61,110
8	Trẻ em dưới 6 tuổi	người	95,061	11,105	23,172	8,360	9,120	7,126	8,578	5,294	9,815	12,491
9	Người già trên 60 tuổi	người	57,016	7,339	8,983	5,453	4,332	4,230	4,163	1,463	6,001	15,052
10	Người khuyết tật	người	4,347	896	696	477	452	255	212	240	261	858
11	Dân tộc Kinh	người	244,736	22,120	71,064	7,903	15,388	7,142	10,376	1,544	12,043	97,156

**II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT**

1	Tổng số hộ đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	Hộ	12,942	2,110	633	1,527	3,094	2,027	796	612	1,624	519
		người	58,178	8,889	2,658	6,666	13,925	8,216	3,852	3,400	8,496	2,076
2	Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đào, đắp (san, gạt)											
2a	Số hộ xuất hiện dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà: cây nghiêng đổ.	Hộ	4,341	1,243	60	555	501	336	147	161	1,030	308
		người	17,313	4,977	252	2,541	2,255	1,367	663	796	3,230	1,232
2b	Số hộ trước và sau nhà có	Hộ	15,315	2,739	613	1,902	4,878	1,707	232	1,063	1,653	528

	<i>mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao.</i>	người	<b>65,047</b>	11,482	2,574	7,987	21,951	6,873	1,044	5,477	5,547	2,112
2c	<i>Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kê chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.</i>	Hộ	<b>12,453</b>	2,201	566	1,492	4,185	1,303	206	1,019	1,063	418
		người	<b>55,637</b>	9,197	2,377	5,218	18,839	5,234	927	6,180	5,993	1,672
2d	<i>Số hộ phía trên có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)</i>	Hộ	<b>2,037</b>	436	8	164	272	63	96	43	912	43
		người	<b>10,485</b>	1,930	34	1,126	1,225	260	432	227	5,079	172
2e	<i>Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ</i>	Hộ	<b>27,015</b>	4,817	1,024	7,670	4,546	3,741	-	2,412	2,359	446
		người	<b>121,485</b>	21,240	4,301	33,911	20,457	15,243	-	11,745	12,804	1,784
<b>3</b>	<b>Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngâm, cầu, cống</b>											
3a	<i>Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở...</i>	Hộ	<b>1,856</b>	1,319	-	252	119	18	74	5	43	26
		người	<b>8,103</b>	5,335	-	1,491	538	78	336	28	193	104
3b	<i>Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạm.</i>	Hộ	<b>1,220</b>	256	36	151	177	4	413	6	79	98
		người	<b>5,390</b>	1,110	151	876	797	22	1,856	33	153	392
3c	<i>Số hộ gần chỗ ở có cống, ngâm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát, cây lớn.</i>	Hộ	<b>2,112</b>	616	138	449	456	51	83	14	41	264
		người	<b>8,846</b>	2,255	580	2,034	2,053	212	373	73	210	1,056
4	<b>Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn.</b>	Hộ	<b>918</b>	237	115	162	152	1	32	-	131	88
		người	<b>4,802</b>	937	937	1,085	687	3	144	-	657	352
<b>5</b>	<b>Chỗ ở sự hỗ trợ, chuẩn bị</b>											
5a	<i>Số hộ không thường xuyên, kịp thời được nhận thông tin cảnh báo</i>	Hộ	<b>12,136</b>	1,003	22	1,233	4,893	892	267	2,144	1,209	473
		người	<b>58,967</b>	3,981	93	5,396	22,019	3,573	1,201	10,001	10,811	1,892
5b	<i>Số hộ không biết cách phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất</i>	Hộ	<b>12,642</b>	783	12	1,387	5,146	1,054	225	2,292	1,567	176
		người	<b>62,628</b>	3,114	50	6,270	23,157	4,256	1,012	11,536	12,529	704
5c	<i>Số hộ không hoặc thiếu chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây...</i>	Hộ	<b>14,260</b>	853	34	1,475	5,752	1,168	371	2,523	1,915	169
		người	<b>69,871</b>	3,391	142	7,365	25,884	4,693	1,669	12,212	13,839	676
5d	<b>Nhà đang ở dạng</b>	Hộ	<b>165,027</b>	20,481	30,187	19,623	17,013	13,131	13,467	7,110	11,996	32,019
		người	<b>713,513</b>	86,870	110,520	90,275	77,554	62,863	65,277	36,816	61,414	121,924
	<i>Số hộ có nhà sàn:</i>	Hộ	<b>9,354</b>	2,901	83	3,418	21	7	1,459	805	448	212
		người	<b>39,477</b>	12,305	304	15,724	105	33	5,836	3,220	1,143	807
<i>Số hộ có nhà gỗ:</i>	Hộ	<b>58,783</b>	9,551	2,970	4,904	10,500	7,361	7,819	4,069	8,681	2,928	
		người	<b>265,578</b>	40,510	10,874	22,560	47,706	36,472	31,276	16,276	48,754	11,150

	Số hộ có nhà tranh:	Hộ	3,655	376	1,778	343	261	63	126	8	148	552
		người	14,505	1,595	6,510	1,577	1,284	260	504	32	641	2,102
	Số hộ có nhà xây:	Hộ	91,768	7,653	25,356	10,958	6,231	5,700	4,063	761	2,719	28,327
		người	379,709	32,460	92,832	50,414	28,459	26,098	27,661	3,044	10,876	107,865
6	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo chống lốc xoáy.	Hộ	39,977	8,609	4,741	4,509	10,958	3,910	1,062	2,569	3,084	535
		người	170,045	35,725	19,912	19,310	49,311	15,725	4,248	11,338	12,336	2,140
7	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo phòng chống mưa đá lớn	Hộ	43,774	7,890	4,741	5,357	11,158	4,916	3,685	2,663	3,025	339
		người	184,642	31,804	19,912	22,895	50,211	19,863	14,740	11,761	12,100	1,356
8	Số hộ gia đình có đề nghị Nhà nước hỗ trợ củng cố chỗ ở bảo đảm an toàn	Hộ	29,056	3,017	1,616	2,306	14,776	2,120	935	2,517	1,075	694
		người	132,131	12,653	6,786	8,373	66,493	8,762	3,740	11,365	11,183	2,776
8a	Số hộ Cam kết di dời khẩn cấp và đề nghị hỗ trợ kinh phí di chuyển	Hộ	1,308	533	96	118	70	212	32	59	51	137
		người	6,570	2,309	403	754	315	1,123	128	723	267	548
8b	Số hộ Đề nghị được vay vốn ưu đãi để củng cố chỗ ở đảm bảo an toàn	Hộ	15,251	1,619	808	1,233	7,353	1,171	556	1,424	740	347
		người	68,428	6,688	3,393	4,342	33,089	4,864	2,224	6,640	5,800	1,388
8c	Số hộ Đề nghị hỗ trợ pháp lý để xây kè, mở rộng hoặc giảm tải mái ta luy	Hộ	12,337	865	712	955	7,353	737	347	924	234	210
		người	55,333	3,656	2,990	3,277	33,089	3,042	1,388	4,002	3,049	840

### III. ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN

1	Chỗ ở an toàn	Hộ	122,506	11,349	25,494	17,597	5,785	8,015	9,750	4,288	8,881	31,347
		Tỷ lệ %	74.23	55.41	84.45	89.68	34.00	61.04	72.40	60.31	74.03	97.90
2	Chỗ ở kém an toàn	Hộ	41,378	8,609	4,741	1,946	11,158	4,916	3,685	2,763	3,025	535
		Tỷ lệ %	25.07	42.03	15.71	9.92	65.59	37.44	27.36	38.86	25.22	137.00
3	Chỗ ở cần di dời khẩn cấp	Hộ	1,215	523	24	80	70	200	32	59	90	137
		Tỷ lệ %	0.74	2.55	0.08	0.41	0.41	1.52	0.24	0.83	0.75	0.43

**Phụ biểu 02: TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM CÓ NGUY CƠ LŨ ỒNG, LŨ QUÉT, SẠT LỎ ĐẤT TỈNH LÀO CAI**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 90/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Địa điểm	Ước khối lượng sạt (m <sup>3</sup> )	Loại hình thiên tai	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành phố Lào Cai</b>			
1	Ngầm tràn thôn Phìn Hồ xã Tả Phời		Lũ ồng, lũ quét	
2	Ngầm tràn thôn Phìn Hồ, xã Tả Phời		Lũ ồng, lũ quét	

3	Ngầm tràn thôn Ú Xi Xung, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
4	Ngầm tràn thôn Cóc 2, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
5	Cầu cứng thôn Phân Lân, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
6	Khu vực cầu sắt thôn Nậm Rĩa 1, xã Hợp Thành		Lũ ống, lũ quét	
7	Khu vực cầu bê tông thôn Bắc Công, xã Hợp Thành		Lũ ống, lũ quét	
8	Khu vực suối Vàng Mạ, thôn Cáng 1, xã Hợp Thành	200	Lũ quét, sạt lở	
9	Khu vực suối thôn Pèng, xã Hợp Thành		Lũ ống, lũ quét	
10	Đầu đập tràn làng Nhón phía bên (bờ tả) thôn Suối Ngàn, xã Cam Đường		Lũ quét	
11	Đầu đập tràn làng Nhón phía bên (bờ hữu) thôn Nhón 1, xã Cam Đường		Lũ quét	
12	Đầu đập tràn Dạ 2 phía bên (bờ hữu) thôn Dạ 2, xã Cam Đường		Lũ quét	
13	Đầu đập tràn Dạ 2 phía bên (bờ tả) thôn Công trường 5, xã Cam Đường		Lũ quét	
14	Khu vực chân đồi 2, đường đi vào nhà máy tuyển xã Cam Đường	100,000	Sạt lở	
15	Khu vực chân đồi khai trường 10, xã Cam Đường	>20.0000	Sạt lở	
16	Thôn 8, xã Đông Tuyên (2 điểm)		Lũ Quét	
<b>II Huyện Văn Bàn</b>				
17	Ngầm tràn QL 279, Thôn Tổng Hóc, xã Dương Quỳ		Lũ ống, lũ quét	
18	Ngầm Hoang Khăm, Thôn Nà Hin, xã Dương Quỳ		Lũ ống, lũ quét	
19	Ngầm Khánh Yên Hạ, Thôn Pắc Xung (đường tỉnh lộ), xã Khánh Yên Hạ		Lũ quét	
20	Ngầm tràn Liêm Phú (Thôn Giàng - Ổ, tuyến đường Liêm Phú - Chiềng Ken)		Lũ quét	
21	Km 132, QL 279, xã Minh Lương	2,000	Sạt lở đất	
22	Km 13, Tỉnh lộ, Thôn Khe Nà, xã Nậm Tha	1,000	Sạt lở	
23	Km 16, Tỉnh lộ, Thôn Khe Tào, xã Nậm Tha	2,000	Sạt lở	
24	Km 17, Tỉnh lộ, Thôn Khe Tào, xã Nậm Tha	1,000	Sạt lở đá	
25	Ngầm Nậm Xây Nội, xã Nậm Xây	100	Lũ ống, lũ quét	
26	Ngầm Nậm Xây Luông, Nậm Xây	500	Lũ ống, lũ quét	
27	Đường lên thôn Mả Sa Phìn, xã Nậm Xây (Điểm 1: Dốc Ống Phà)	300	Lũ ống, lũ quét	
28	Đường lên thôn Mả Sa Phìn, xã Nậm Xây (Điểm 2: Qua suối đập đá)	200	Lũ ống, lũ quét	
29	Đường lên thôn Mả Sa Phìn, xã Nậm Xây (Điểm 3: Qua suối Dản Thàng)	200	Lũ ống, lũ quét, sạt lở đất	
30	Tại điểm đường QL279 cách ngầm tràn Xi tan 50m về phía huyện Than Uyên (Lai Châu), xã Nậm Xé	350	Sạt lở đất	
31	Tại thôn Tu Thượng, gần đầu đập thủy điện Nậm Tu Trên, đường	250	Sạt lở đất	

	liên thôn Tu Hạ -Tu Thượng, xã Nậm Xé			
32	Thôn Khe Quạt, xã Tân An	300	Sạt lở đất	
33	Ngầm Chiềng 1+2, xã Chiềng Ken		Cảnh báo lũ	
34	Thôn Phúng, xã Chiềng Ken		Cảnh báo lũ	
35	Thôn Đồng Vệ, xã Chiềng Ken	1,500	Sạt lở đất	
36	Thôn Bè 1 (dọc suối Nậm Tha), xã Chiềng Ken		Sạt lở bờ suối	
37	Thôn Xuân Tiến, xã Văn Sơn		Lũ, ngập lụt	
38	Thôn Nậm Cắn, xã Dần Thàng		Lũ ống, lũ quét	
<b>III Huyện Bát Xát</b>				
39	Km 4, đường Trịnh Tường - Y Tý (thôn San Hồ, xã Trịnh Tường)	400	Sạt lở đất	
40	Km 10, đường Trịnh Tường - Y Tý (thôn Sin Chải, xã Trịnh Tường)	300	Sạt lở đất	
41	Km 15, đường Trịnh Tường - Y Tý (thôn Tả Cồ Thàng, xã Trịnh Tường)	300	Sạt lở đất	
42	Đường liên thôn Trung liềng - Lò Suối Tùng, xã Phìn Ngan	200	Sạt lở đất	
43	Đường liên thôn Sùng Hoảng - Sùng Vành, xã Phìn Ngan	250	Sạt lở đất	
44	Km 10, đường Quang Kim - Phìn Ngan (taluy âm)	400	Sạt lở đất	
45	Km 12, đường Quang Kim - Phìn Ngan	350	Sạt lở đất	
46	Km 3+600, đường thôn Lùng Thàng, xã Bản Qua	200	Sạt lở đất	
47	Km 1 +200, đường thôn Shan Lùng, xã Bản Qua	500	Sạt lở đất	
48	Ngầm tràn Nậm Chôn, thôn Nậm Chôn, xã Cốc Mỳ		Lũ ống, lũ quét	
49	Ngầm tràn Khoa San Chải, xã A Lù		Lũ ống, lũ quét	
<b>IV Huyện Bảo Thắng</b>				
50	Điểm sạt lở bờ sông Hồng, thôn Báu, xã Thái Niên	21,000	Sạt lở đất	
51	Ngầm tràn thôn Hải Sơn 2, xã Phúa Nhuận (Tỉnh Lộ 151)	Ngầm tràn hay bị ngập lụt khi mưa to	Ngập lụt	
52	Ngầm tràn thôn Cù, Xã Xuân Giao (Tỉnh lộ 151)	Ngầm tràn hay bị ngập lụt khi mưa to	Ngập lụt	
53	Điểm thôn Bản Cam, xã Gia Phú	100	Sạt lở đất	
54	Cầu tạm cuối đường GTLT đầu Nhuận, xã Phú Nhuận	Ngầm tràn hay bị ngập lụt khi mưa to	Ngập lụt	
55	Điểm Thôn Phú Sơn, xã Phú Nhuận (cách UBND xã 4km)	100	Sạt lở đất	
<b>V Huyện Bắc Hà</b>				
56	Điểm sạt lở tuyến đường cầu Nậm Tôn - UBND xã Nậm Lúc (cách 200 m)	700	Sạt lở đất	

57	Điểm sạt lở khu vực chợ Cốc Ly (cách chợ 150 m)	700	Sạt lở đất	
58	Điểm sạt lở tuyến đường UBND xã Nậm Đét đi thôn Nậm Đét (cách UBND xã 1km)	1,000	Sạt lở đất	
<b>VI Huyện Bảo Yên</b>				
59	Km 5+700, đường liên xã Minh Tân - Kim Sơn (thuộc bản Minh Hải, xã Minh Tân)	3,000	Sạt lở đất	
60	Cầu nhà ông Hạnh bản 5, xã Điện Quan		Ngập lụt	
61	Ngầm bản Điện, xã Điện Quan		Ngập lụt	
62	Ngầm bản 4, xã Điện Quan		Ngập lụt	
63	Tổ dân phố 2D, thị trấn Phố Ràng		Lũ ống	
64	Tổ dân phố 1, thị trấn Phố Ràng	2000	Sạt lở, ngập lụt	
65	Tổ dân phố 2A, thị trấn Phố Ràng	1000	Sạt lở, ngập lụt	
66	Tổ dân phố 2B, thị trấn Phố Ràng	2000	Sạt lở đất	
67	Tổ dân phố 2C, thị trấn Phố Ràng	2000	Sạt lở, ngập lụt	
68	Tổ dân phố 3A, thị trấn Phố Ràng	3000	Sạt lở đất	
69	Tổ dân phố 3B, thị trấn Phố Ràng	1000	Sạt lở đất	
70	Tổ dân phố 7A, thị trấn Phố Ràng	3000	Sạt lở đất	
71	Tổ dân phố 6B, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
72	Tổ dân phố 7B, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
73	Tổ dân phố 8C, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
74	Tổ dân phố 9C, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
75	Khu nhà ông Hải Thuán thôn Múi 3, xã Yên Sơn	300	Sạt lở đất	
76	Khu nhà ông Huynh (khu bãi đổ thải gần đường QL 279) thôn Múi 2, xã Yên Sơn	500	Sạt lở đất	
77	Khu nhà ông Vượng (khu bãi đổ thải gần đường QL 279) thôn Múi 1, xã Yên Sơn	250	Sạt lở đất	
<b>VII Huyện Si Ma Cai</b>				
78	Đường Sín Chéng - Thào Chư Phìn, xã Thào Chư Phìn (thôn Hồ Sáo Chải)	100	Sạt lở	
79	Đường Hồ Sáo Chải - Cầu Pi Chải, xã Thào Chư Phìn (thôn Hồ Sáo Chải)	80	Sạt lở đất	
80	Đường Trung tâm UBND- thôn cầu Pi Chải, xã Thào Chư Phìn (thôn cầu Pi Chải)	300	Sạt lở đất	
81	Đường vào trung tâm Cán Chư Sừ (đăng sau trường Mầm Non xã Cán cầu)	2000	Sạt lở đất	
82	Đường Chư Sang - Mù Tráng Phìn (Từ Chư Sang lên khoảng 1,2km) gần thôn Bản Phìn (QTS), xã Cán Cầu	1000	Sạt lở đất	
83	Đường Chư Sang - Mù Tráng Phìn (gần nhà văn hóa Mù Tráng	800	Sạt lở đất	

	Phìn), xã Cán Cấu			
84	Khu vực thủy lợi cầu treo hồ Cán Cấu	3000	Sạt lở đất	
85	Cầu đập tràn Thôn Ngã Ba, xã Mãn Thẩn		Lũ quét	
86	Tại cầu cạn đường liên xã từ huyện vào xã Mãn Thẩn (thôn Hoàng Thu Phố)		Lũ quét	
87	Điểm 1 thôn Ngải Phóng Chồ, xã Sín Chéng	3000	Sạt lở đất	
88	Điểm 2 thôn Ngải Phóng Chồ, xã Sín Chéng	1000	Sạt lở đất	
89	Điểm 3 Thôn Sín Chải (khu Bần Giáng), xã Sín Chéng	6000	Sạt lở đất	
90	Điểm 4 thôn Mào Sao Phìn, xã Sín Chéng	4000	Lũ quét	
91	Điểm 5 thôn Mào Sao Chải, xã Sín Chéng	5000	Sạt lở đất	
<b>VIII Huyện Mường Khương</b>				
92	Khu vực điểm dân cư thôn Lao Táo, thôn Pha Long 2	500	Hố Caster	
93	Đường QL4 khu vực điểm dân cư Nì Si 2+3, thôn Lao Ma Chải	1000	Sạt lở đất, đá	
94	Thôn Pao Pao Chải	500	Sạt lở đất, đá	
95	Thôn Tả Lùng Thắng	700	Sạt lở đất, đá	
96	Thôn Lò Suối Tùng	400	Sạt lở đất, đá	
97	Km37 đường tỉnh lộ 154 địa bàn xã Tả Thàng	600	Sạt lở đất, đá	
98	Km42 đường tỉnh lộ 154 địa bàn xã Tả Thàng	500	Sạt lở đất, đá	
99	Đường GTNT TL154 - Bản Phó tại Km0+400	300	Sạt lở đất, đá	
100	Đường GTNT TL154 - Páo Máo Phìn tại Km1	400	Sạt lở đất, đá	
101	Đường GTNT TL154 - Páo Máo Phìn tại Km2+300	400	Sạt lở đất, đá	
102	Đường GTNT Nàn Tiểu Hồ - Vả Thàng điểm khu dân cư thôn Vả Thàng		Đá lăn	
103	Đường QL4 khu vực Hàm Rồng thị trấn Mường Khương		Sạt lở đá	
<b>IX Huyện Sa Pa</b>				
104	Km 101+500 - km102+100 QL4D	300	Sạt lở đất	
105	Km 98+100 - km 99 QL4D	200,000	Sạt lở đất	
106	Km 0+300 đường Violet	600	Sạt lở đất	
107	Km 0+400 đường DH92 Sa Pả - San Sả Hồ	500	Sạt lở đất	
108	Đường Nguyễn Chí Thanh	500	Sạt lở đất	
109	Km 100 QL4D (lối ra đường tránh Quốc lộ 4D)	300,000	Sạt lở đất	
110	Km 26+400 Tỉnh lộ 152	6,000	Sạt lở đất	
111	Km 28+700 Tỉnh lộ 152		Lũ ngầm tràn	
112	Km 300+100 Tỉnh lộ 152	5,000	Sạt lở đất	
113	Gần điểm khu dân cư thôn La Ve, xã Bản Hồ		Sạt lún đất	



**Phụ biểu 03: PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, NHU YẾU PHẨM NĂM 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 90/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	Danh mục	ĐVT	Số Lượng	Nguồn huy động	Đơn vị đảm nhiệm
1	<b>Nguồn nhân lực ứng cứu</b>	Người	17,253	Lực lượng tự vệ cơ động địa phương; các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân	Lực lượng vũ trang (BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.630 người), các sở, ngành huyện, TP, DN 1.570 người; 152 xã, phường, thị trấn 14.053 người (b/q mỗi xã 92 người); trong đó: 11.505 người thuộc lực lượng xung kích cấp xã
	Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu	Người	9,761		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 539 người; các sở, ngành huyện, TP, DN 517 người; 152 xã phường thị trấn 8.705 người ( mỗi xã 37 người)
	Lực lượng huy động	Người	7,492		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.052 người; các sở, ngành huyện, TP, DN 750 người; 152 xã phường thị trấn 5.609 người (mỗi xã 50 người)
2	<b>Phương tiện và trang thiết bị</b>				
	Xe Ô tô các loại	Chiếc	1,275	Các cơ quan, đơn vị; các tổ chức trên địa bàn tỉnh	Văn Bàn 01; Bát Xát 01; Sở GTVT và XD 42; Công an tỉnh 104; CCKL 15; Si Ma Cai 01; Mường Khương 1.022; Bảo Yên 10; Sa Pa 10; TP Lào Cai 66; Bắc Hà 3
	- Xuồng Máy	Chiếc	5	Huy động các cơ quan, đơn vị; các Doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân	TP Lào Cai 01, Chi cục Kiểm Lâm 01, Bộ CHQS 1; Bộ chỉ huy Biên phòng 2.
	- Áo Phao	Cái	2,230		BCH Quân sự tỉnh 50; BCH Biên phòng 30; Công an tỉnh 30; Văn phòng UBND tỉnh 10; Sở GD và ĐT 120; Đài PT-TH tỉnh 20; Sở LĐ 5; Công thương 5; VP TT BCH PCTT 30; CC Kiểm lâm 20; TP Lào Cai 175; huyện Văn Bàn 335; Bảo Thắng 330; Bảo Yên 390; Bát Xát 200; Bắc Hà 220; Si Ma Cai 40; Mường Khương 40; Sa Pa 180.
	- Phao Tròn	Cái	3,175		BCH Quân Sự tỉnh 130, BCH Biên Phòng 80, Sở Giao Thông 70, Sở NN&PTNT 20, Công an tỉnh 30, Sở GD và ĐT 300, Đài PT-TH tỉnh 10, VP TT BCH PCTT 450, TP Lào Cai 265, huyện Văn Bàn 245, Bảo Thắng 325, Bảo Yên 540, Bát Xát 250, Bắc Hà 130, Si Ma Cai 40, Mường Khương 60, Sa Pa 230.
	- Nhà bạt các loại	Bộ	104		BCH Quân Sự tỉnh 10, BCH Biên Phòng 6, Văn phòng TT PCLB tỉnh 23, Công an tỉnh 4, Tài chính 01; Sở Giáo dục và Đào tạo 2; CC Kiểm lâm 2, TP Lào Cai 6, huyện Văn Bàn 4, Bảo Thắng 10, Bảo Yên 11, Bát Xát 10, Sa Pa 9, Si Ma Cai 2; Bắc Hà 1; Mường Khương 3.
	- Cửa máy	Máy	34		Ban chỉ huy PCTT huyện Sa Pa, Bát Xát
	Máy bơm nước	Chiếc	6		Huyện Bát Xát 01; Sa Pa 01; Chi cục Kiểm lâm tỉnh 01; BCH Quân Sự tỉnh 1; Công an tỉnh 01; Bảo Yên 01.
	Máy phát điện các loại	Chiếc	132		Sở GT và XD: 6; Công an tỉnh: 81; Quân sự 3; CCKL 2; Bảo Yên 16; Bảo Thắng 02; Sa Pa 20; TP Lào Cai 01; Bắc Hà 01.
	- Máy xúc, máy đào	Chiếc	18		Mỗi huyện 02 xe

3	<b>Giống, vật tư NN phục hồi sản xuất: 16.458 tấn</b>				<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>				
	- Giống lúa các loại	Tấn	110						
	Giống ngô các loại	Tấn	98		Trung tâm Giống				
	- Phân bón các loại	Tấn	8,000	Thị trường tự do					
	- Phân NPK	Tấn	6,000	Thị trường tự do					
	- Phân URÊ	Tấn	550	Thị trường tự do					
	- Phân bón các loại	Tấn	1,700	Thị trường tự do					
4	<b>Vật tư y tế</b>				<b>Sở Y Tế</b>				
	- Thuốc khử trùng	tấn	12	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, huyện, thị xã, thành phố					
	- Thuốc chữa bệnh	cơ số	32						
	- Cáng cứu thương	bộ	41						
	- Túi cứu thương	bộ	22						
	- Dụng cụ băng bó cứu thương	bộ	237						
	- Khẩu trang cá nhân	chiếc	74,050						
	- Cồn 70 độ 500ml	chai	240						
	- Dung dịch sát khuẩn	chai	1,105						

**Phụ biểu 04: TRẠNG BỊ PHÒNG THỦ DÂN SỰ, ỨNG PHÓ SỰ CỐ THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI THỜI ĐIỂM 0H NGÀY 01/01/2022**  
(Kèm theo Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	DANH MỤC		ĐVT	THỰC LỰC													Nhu cầu năm 2022	
				Thời điểm 0h ngày 01/01/21	Tăng trong kỳ kiểm kê					Giảm trong kỳ kiểm kê		Thời điểm 0h ngày 01/01/22	Chất lượng					
					DTQG	UBQG	MS	VT	Cộng	Số lượng	Lý do		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4		Cấp 5
	CỘNG			123,800	2,032	-	35,063	6	1,526	9,568	Hư hỏng, thanh	117,550	81,225	26,677	7,446	1,734	469	55,669
I	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ	chiếc	727	-	-	1	1	1	-		728	3	681	28	16	-	1
		Xe ô tô chở người đến 40 chỗ	chiếc	6	-	-	-	-	-	-		6	-	2	4	-	-	-
		Xe ô tô vận tải	chiếc	297	-	-	-	-	-	-		297	-	274	-	23	-	-

		Xe ô tô bán tải	chiếc	198	-	-	-	-	-	3	?	197	-	149	39	9	-	4	
		Toa xe đường sắt	chiếc	47	-	-	-	-	-	-		47	-	-	29	18	-	-	
		<b>Tổng</b>		<b>1,275</b>	-	-	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>		<b>1,275</b>	<b>3</b>	<b>1,106</b>	<b>100</b>	<b>66</b>	-	<b>5</b>	
II	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY	Tàu chở khách	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
		Tàu hàng khô	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
		Tàu chở nước	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
		Tàu chở xăng, dầu	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
		Tàu chở phương tiện	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
		<b>Tổng</b>		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-
III	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHỈ HUY	Xe chỉ huy PCLB	chiếc	10	-	-	-	-	-	-		10	-	5	5	-	-	2	
		Trang thiết bị quan sát, ghi hình	bộ	17	-	-	1	-	-	-		17	-	17	-	-	-	3	
		Trang thiết bị thông tin	bộ	139	-	-	1	-	-	-		13	-	13	-	-	-	2	
		Hệ thống cơ sở dữ liệu	HT	20	-	-	-	-	-	-		20	-	-	20	-	-	-	
		Hệ thống truyền hình hội nghị	HT	66	-	-	-	-	-	-		66	2	62	2	-	-	-	
		Loa chỉ huy chữa cháy rừng (loại to)	chiếc	19	-	-	-	-	-	-		20	-	12	7	-	1	22	
		Loa pin cầm tay (loại nhỏ)	chiếc	313	-	-	-	-	-	1	hỏng	317	2	183	73	58	1	49	
<b>Tổng</b>		<b>584</b>	-	-	<b>2</b>	-	-	<b>1</b>		<b>463</b>	<b>4</b>	<b>292</b>	<b>107</b>	<b>58</b>	<b>2</b>	<b>78</b>			
IV	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN TTLL	Xe đặc chủng thông tin	chiếc	2	-	-	-	-	-	-		2	-	2	-	-	-	-	
		Hệ thống TTLL vệ tinh	Tổ hợp truyền số hiệu	bộ	3	-	-	-	-	-	-		3	-	3	-	-	-	-
			Máy thu phát sóng HF	chiếc	5	-	-	-	-	-	-		5	-	5	-	-	-	-
			Tổng đài điện tử	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-
			Máy theo dõi khí tượng	trạm	8	-	-	-	-	-	-		8	-	7	-	-	1	-
		Trang thiết bị cầm tay	Máy tính trạm	chiếc	752	-	-	-	-	-	-		752	-	505	197	20	30	20
			Máy tính xách tay	chiếc	204	-	-	2	-	-	-		204	-	96	101	7	-	38
			Máy quay phim	chiếc	17	-	-	1	-	-	-		18	4	10	4	-	-	8
			Bộ đàm	Bộ	186	-	-	-	-	-	46	hỏng	146	-	108	32	3	3	69
			Máy định vị vệ tinh	chiếc	6	-	-	-	-	-	-		6	-	-	-	6	-	2
<b>Tổng</b>		<b>1,177</b>	-	-	<b>3</b>	-	-	<b>46</b>		<b>1,138</b>	<b>4</b>	<b>736</b>	<b>334</b>	<b>30</b>	<b>34</b>	<b>137</b>			
V	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN TRÊN SÓNG	Tàu thuyền	Xuồng ST 1200	chiếc	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
			Xuồng ST 750	chiếc	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	1
		Tàu thuyền	Xuồng ST 660	chiếc	2	-	-	-	-	-	-		2	-	2	-	-	-	5

		Xuồng ST 450	chiếc	11	-	-	-	-	-	-	11	1	1	3	6	-	5	
		Xuồng cứu sinh 3 thân	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Xuồng đệm khí	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Xuồng máy các loại	chiếc	3	-	-	-	-	-	-	3	-	1	2	-	-	1	
		Xuồng nhôm	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Loại khác	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Ca nô các loại	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	
		Thuyền cao su các loại	chiếc	5	-	-	-	-	-	-	5	-	-	5	-	-	-	
		Thuyền nhôm các loại	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Thuyền máy các loại	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Thuyền loại khác	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	-	
		Vỏ xuồng các loại	chiếc	3	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-	
		<b>Tổng</b>		<b>26</b>	-	-	-	-	-	-	<b>26</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	-	<b>13</b>	
	Thiết bị cứu sinh	Nhà bạt 60m2	bộ	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	5	
		Nhà bạt 24,75m2	bộ	68	16	-	-	3	4	4	cũ, rách	80	26	17	28	-	9	39
		Nhà bạt 16,5m2	bộ	114	5	-	-	-	-	12	cũ, rách	107	6	23	61	1	16	43
		Dù đại	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	1	1	-	-	-
		Áo phao tự thổi	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	-
		Phao cứu sinh	chiếc	305	120	-	-	-	*	-	-	415	110	152	-	153	-	120
		Phao áo cứu sinh	chiếc	3,278	1,069	-	-	-	200	-	hỏng	4,043	1,662	2,101	162	118	-	670
		Phao tròn cứu sinh	chiếc	3,230	818	-	-	-	150	-	hỏng	3,765	1,370	2,179	204	12	-	400
		Phao bè cứu sinh	chiếc	33	-	-	-	-	-	-	-	33	-	33	-	-	-	27
		Phao các loại (tự thổi)	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3
		<b>Tổng</b>		<b>7,035</b>	<b>2,028</b>	-	-	<b>3</b>	<b>354</b>	<b>16</b>		<b>8,450</b>	<b>3,174</b>	<b>4,508</b>	<b>459</b>	<b>284</b>	<b>25</b>	<b>1,307</b>
		<b>Tổng cộng</b>		<b>7,061</b>	<b>2,028</b>	-	-	<b>3</b>	<b>354</b>	<b>16</b>		<b>8,476</b>	<b>3,178</b>	<b>4,514</b>	<b>469</b>	<b>290</b>	<b>25</b>	<b>1,320</b>
VI	TRANG THIẾT BỊ CHỮA CHÁY RỪNG	Quần áo chống cháy đặc biệt trong lâm lửa	bộ	24	-	-	-	-	-	-	24	8	14	-	-	2	58	
		Quần áo phòng da, phòng độc	bộ	21	-	-	-	-	-	-	-	21	-	21	-	-	-	51
		Quần áo chống bức xạ nhiệt	bộ	48	-	-	-	-	-	-	-	48	-	48	-	-	-	65
		Mặt nạ phòng khói	bộ	37	-	-	-	-	-	-	-	37	13	24	-	-	-	111
		Quần áo BHLĐ	bộ	1,112	-	-	14	-	-	-	-	1,126	-	1,126	-	-	-	200

Bình bơm nước đeo vai	bình	113	-	-	-	-	-	64	hồng	53	10	39	-	-	4	86
Bình bột	bình	125	-	-	-	-	-	62	hồng	78	6	56	-	-	16	80
Dao phát, dao tông	chiếc	4,832	-	-	-	-	-	1,345	hồng	3,487	84	2,420	675	278	30	540
Bàn đập	chiếc	2,412	-	-	-	-	-	-		2,412	45	782	1,585	-	-	210
Cuốc bàn	chiếc	590	-	-	-	-	-	29	hồng	561	-	423	-	138	-	60
Giày đi rừng	chiếc	4,916	-	-	-	-	-	1,824	hồng	3,137	-	2,276	680	116	65	270
Ứng chữa cháy	đôi	713	-	-	-	-	-	-		713	-	582	78	42	11	320
Mũ bảo hộ	chiếc	6,014	-	-	-	-	-	2,310	hồng	3,774	-	2,447	1,117	140	70	390
Cạn nhựa đựng nước	cái	775	-	-	-	-	-	317	hồng	458	-	458	-	-	-	60
Đèn pin	cái	3,274	-	-	-	-	-	1,943	hồng	1,331	-	1,219	72	40	-	190
Đèn pin xách tay	chiếc	217	-	-	-	-	-	40	hồng	177	-	132	32	5	8	170
Bình tông đựng nước	chiếc	5,508	-	-	-	-	-	831	hồng	4,704	383	2,675	1,503	116	27	285
Ba lô	chiếc	118	-	-	-	-	-	63	hồng	55	-	53	-	2	-	90
Cào răng	chiếc	91	-	-	-	-	-	71	hồng	40	-	20	-	-	20	30
Xẻng gắp, xẻng to	chiếc	1.173	-	-	-	-	-	52	hồng	1.121	10	961	-	147	3	140
Quần áo đi rừng	bộ	579	-	-	-	-	-	-		579	121	453	-	-	5	55
Quần áo chống nhiệt	bộ	60	-	-	-	-	-	15	hồng	60	5	15	-	25	15	55
Kệng bảo động	chiếc	15	-	-	-	-	-	-		15	2	12	1	-	-	17
Mũ cối	chiếc	575	-	-	-	-	-	-		575	-	440	35	100	-	-
Áo mưa	chiếc	44	-	-	-	-	-	-		44	-	10	34	-	-	-
Câu liềm	chiếc	384	-	-	-	-	-	89	hồng	296	25	271	-	-	-	105
Bỏ cào	cái	2	-	-	-	-	-	-		2	-	-	-	2	-	-
Rũ cứu nạn	cái	1	-	-	-	-	-	-		1	-	-	1	-	-	-
Xà beng	cái	1	-	-	-	-	-	-		1	-	-	1	-	-	-
Búa tạ	cái	1	-	-	-	-	-	-		1	-	-	1	-	-	-
Thang nhôm chữa cháy	cái	14	-	-	-	-	-	-		14	-	-	-	14	-	-
Trạm khí tượng thủy văn	trạm	6	-	-	-	-	-	-		2	-	2	-	-	-	-
Tủ ngủ	cái	234	-	-	-	-	-	60	hồng	174	-	174	-	-	-	-
Trạm đo mưa	trạm	60	-	-	16	-	-	-		65	11	54	-	-	-	10
Trạm tổng hợp	trạm	3	-	-	1	-	-	-		2	-	2	-	-	-	-
<b>Tổng</b>		<b>34,092</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9,115</b>		<b>25,188</b>	<b>723</b>	<b>17,209</b>	<b>5,815</b>	<b>1,165</b>	<b>276</b>	<b>3,648</b>

VII	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY	Xe chữa cháy	chiếc	5	-	-	-	-	-	-	5	-	1	1	3	-	1		
		Máy bơm chữa cháy	Máy bơm chữa cháy (động cơ)	chiếc	37	2	-	4	-	1	-	42	8	26	4	4	-	25	
			Bơm đồng hút cạn, (hút bùn)	chiếc	4	-	-	2	-	-	-	6	-	5	1	-	-	3	
			Máy bơm nước các loại	chiếc	62	-	-	-	-	-	15	hông	47	-	19	11	17	-	35
		Bồn chứa nước di động	chiếc	13	-	-	2	-	-	-	15	-	10	-	4	1	2		
		Kích các loại (thủy lực, túi khí, chống tuồng...)	chiếc	6	-	-	-	-	-	-	6	-	6	-	-	-	2		
		Thiết bị phòng cháy chữa cháy	Ông hút máy bơm	chiếc	53	-	-	-	-	-	2	hông	53	1	28	5	3	16	9
			Vòi chữa cháy	cuộn	524	-	-	-	-	-	-	524	-	322	168	14	20	60	
			Bộ chia nước	bộ	34	-	-	-	-	-	-	34	1	24	3	6	-	14	
			Lăng phun	chiếc	170	-	-	-	-	-	-	170	2	151	10	5	2	4	
			BHLD	chiếc	71	-	-	10	-	-	-	81	-	54	25	2	-	10	
		Thiết bị chữa cháy cầm tay	Máy cắt thực bì chữa cháy rừng	chiếc	95	-	-	-	-	-	-	95	-	88	-	7	-	26	
			Máy thổi gió chữa cháy rừng	chiếc	42	-	-	-	-	-	15	hông	27	1	20	3	3	-	13
			Máy hút khói	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	2	-	1	-	1	-	-	
			Máy phun đất cát CCR	bộ	5	-	-	-	-	-	-	5	-	5	-	-	-	1	
			Thiết bị chữa cháy đồng bộ	bộ	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	
		Thiết bị trộn hóa chất	bộ	4	-	-	-	-	-	-	4	-	4	-	-	-	-		
		Thiết bị phòng hộ (Mặt nạ, bình dưỡng khí, bộ thở cá nhân)	bộ	122	-	-	2	-	-	-	124	7	108	-	9	-	15		
		Thiết bị thoát hiểm (Ông thoát hiểm, đệm hơi, thang dây...)	bộ	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-		
		Máy tính bảng	chiếc	10	-	-	-	-	-	-	10	10	-	-	-	-	2		
		Máy tính để bàn	chiếc	12	-	-	-	-	-	-	12	11	-	1	-	-	2		
		Máy cưa xăng	chiếc	38	-	-	-	-	-	2	hông	36	-	6	28	2	-	34	
		Máy định vị GPS	chiếc	114	-	-	-	-	-	67	hông	47	9	38	-	-	-	28	
		Máy SANTO theo dõi khí tương	chiếc	5	-	-	-	-	-	3	hông	2	-	1	1	-	-		
		Ông nhôm	chiếc	5	-	-	-	-	-	-	5	-	3	2	-	-	17		
		Bộ loa tuyên truyền lưu động	bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	
		<b>Tổng</b>			<b>1,435</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>20</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>104</b>		<b>1,354</b>	<b>50</b>	<b>921</b>	<b>263</b>	<b>81</b>	<b>39</b>	<b>306</b>
		VIII	TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ, Y TẾ	Hóa chất khử khuẩn, khử trùng	Clomin B	lọ	1,560	-	-	-	-	30	1,560	1,520	10	-	-	30	-
					Clomin B	kg	1,144	-	-	-	-	183	992	942	20	-	-	31	820
					Thuốc khử trùng, diệt khuẩn	lít	1,110	-	-	-	-	16	1,110	1,064	25	-	5	16	20

		Cảng cứu thương	bộ	41	1	-	1	-	2	-	41	7	28	2	4	-	28	
		Tủ cứu thương	bộ	22	-	-	-	-	2		22	-	20	-	-	2	10	
		Dụng cụ băng bó cứu thương	bộ	238	1	-	-	1	4		237	216	13	4	4	-	237	
		Khẩu trang cá nhân	chiếc	72,385	-	-	33,765	-	1,165	-	74,050	72,150	1,600	300	-	-	46,000	
		Cồn 70 độ 500ml	chai	240	-	-	240	-	-	-	240	240	-	-	-	-	1,000	
		Dụng dịch sát khuẩn	chai	1,105	-	-	1,000	-	-	-	1,105	1,105	-	-	-	-	2,000	
		<b>Tổng</b>		<b>77,845</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>35,006</b>	<b>-</b>	<b>1,168</b>	<b>235</b>	<b>79,357</b>	<b>77,244</b>	<b>1,716</b>	<b>306</b>	<b>13</b>	<b>79</b>	<b>50,115</b>	
IX	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CẤP NGUỒN ĐIỆN	Máy phát điện 5- 7KW	chiếc	125	-	-	-	2	2	7	120	16	82	22	-	-	23	
		Trạm nguồn điện; máy phát điện chạy xăng	chiếc	4	-	-	-	-	-	-	4	-	4	-	-	-	6	
		Máy phát điện có hệ thống đèn pha	chiếc	7	-	-	-	-	-	-	7	-	6	-	1	-	6	
		Trạm nguồn điện; máy phát	bộ	1	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	2	
		Thiết bị lưu điện	bộ	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	4	
		<b>Tổng</b>		<b>139</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>7</b>		<b>134</b>	<b>17</b>	<b>94</b>	<b>22</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>41</b>
		X	TRANG THIẾT BỊ KHÁC	Điện thoại	chiếc	53	-	-	-	-	-		53	-	23	30	-	-
Ông nhôm	chiếc			36	-	-	-	-	28	hồng	9	2	6	-	-	1	2	
Bồn chứa nước	chiếc			29	-	-	-	-	-		29	-	29	-	-	-	5	
Dây thừng	cuộn			13	-	-	-	-	8	hồng	13	-	-	-	5	8	-	
Biển báo cấm	chiếc			38	-	-	-	-	5	hồng	38	-	25	-	8	5	-	
Bình bọt	chiếc			23	-	-	-	-	-		23	-	6	-	17	-	10	
Cuốc chìm	cái			-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
<b>Tổng</b>				<b>192</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41</b>		<b>165</b>	<b>2</b>	<b>89</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>14</b>	<b>19</b>

\* Ghi chú:

- Nguồn Dự trữ quốc gia (DTQG); Nguồn Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (UBQG); Nguồn tự mua sắm (MS); Nguồn viện trợ, ủng hộ (VT)

- Thứ tự các đơn vị khi lập báo cáo lần lượt từ: BCHQS huyện, BCHBP huyện (nếu có), Công an, VP BCH PCTT, Các Phòng ban ngành mới đến các Thị trấn, Phường, xã

\* Quy định về phân cấp chất lượng:

Cấp 1: Là phương tiện, trang thiết bị chưa qua sử dụng, hiện vẫn niêm cất, bảo quản trong kho.

Cấp 2: Là Phương tiện, trang thiết bị mới đưa vào sử dụng, chưa qua sửa chữa lớn.

Cấp 3: Là phương tiện, trang thiết bị đang đưa vào sử dụng, hay gặp hư hỏng nhỏ hoặc đã qua sửa chữa lớn.

Cấp 4: Là phương tiện, trang thiết bị đang bị hư hỏng nặng, chưa sử dụng được chờ khắc phục, sửa chữa.

Cấp 5: Là phương tiện, trang thiết bị hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được, chờ thanh lý.